

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019

### KẾT LUẬN THANH TRA

#### **Việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản, xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại mỏ đá vôi, đá sét làm nguyên liệu xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai**

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Biên bản thanh tra ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 701/QĐ-ĐCKS ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khoáng sản khai thác tại một số mỏ đá vôi, đá sét làm nguyên liệu xi măng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận thanh tra về hoạt động khai thác đá vôi, đá sét làm nguyên liệu xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai như sau:

#### I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, tiền thân là Công ty Xi măng Nghệ An được đổi tên tại Quyết định số 116/XMVN-HĐQT ngày 05 tháng 3 năm 2001 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và Quyết định số 02/QĐ.ĐHCD ngày 18 tháng 8 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai (*sau đây gọi là Công ty*).

Địa chỉ trụ sở chính tại khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; điện thoại: 0238.3866.170.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; mã số doanh nghiệp 2900329295; đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 10 năm 2017, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Quốc Việt, Tổng Giám đốc.

2. Trong lĩnh vực khoáng sản, Công ty được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) cấp 02 Giấy phép khai thác khoáng sản cho phép khai thác đá vôi và đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng:

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1099/QĐ-QLTN ngày 24 tháng 10 năm 1995 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) cho phép khai thác đá vôi tại mỏ Hoàng Mai B, xã Quỳnh Thiện, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An và xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (khai thác bằng phương pháp lò thiêu; diện tích khai thác 144,5 ha; trữ lượng được phép khai thác 125.646.000 tấn; công suất khai thác 1.800.000 tấn/năm; thời hạn khai thác 50 năm).

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1306/QĐ-ĐCKS ngày 01 tháng 7 năm 1998 cho phép khai thác đá sét tại mỏ Quỳnh Vinh, xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (khai thác bằng phương pháp lột thiên, diện tích khai thác 121,70 ha, trữ lượng được phép khai thác 8.081.000 tấn; công suất khai thác 348.000 tấn/năm; thời hạn khai thác 21 năm).

## II. KẾT QUẢ THANH TRA

### II.1. Hoạt động khai thác đá vôi theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1099/QĐ-QLTN ngày 24 tháng 10 năm 1995.

#### 1. Thực hiện các quy định của pháp luật khoáng sản

- Đã cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép khai thác. Mốc giới được cắm đúng quy cách theo quy định.

- Đã lập, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công khai thác (Thiết kế mỏ) và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định (Quyết định phê duyệt số 396/QĐ-BXD ngày 02 tháng 4 năm 1999 của Bộ Xây dựng).

- Đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đúng quy định về tiêu chuẩn, trình độ và thông báo về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của Giám đốc điều hành mỏ về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Đã thực hiện đầy đủ chế độ Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản; báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản các năm 2016, 2017, 2018 và nộp về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An theo quy định.

- Đã lập, cập nhật bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác; lưu trữ, quản lý theo quy định.

- Quản lý, lưu trữ đúng quy định về tài liệu thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác.

- Đã lắp đặt trạm cân để kiểm soát sản lượng khoáng sản, lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan theo quy định.

- Toàn bộ đá vôi và đá dolomit sau khai thác tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất xi măng cho nhà máy xi măng của Công ty.

#### 2. Kết quả xác minh về sản lượng khoáng sản khai thác thực tế so với công suất quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản

Sản lượng khoáng sản đá vôi Hoàng Mai B khai thác được tính toán, xác nhận theo các nguồn số liệu quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình, phương pháp xác định và các biểu mẫu thống kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế. Kết quả kiểm tra sổ sách, chứng từ, tài liệu về kỹ thuật; sổ sách, chứng từ tài liệu về tài chính cho thấy, tỷ lệ phần trăm (%) so sánh giữa số liệu sản lượng khoáng sản khai thác thực tế được xác định theo từng khâu công nghệ và theo từng nguồn số liệu là không vượt quá hệ số tồn thắt định mức xác định trong thiết kế mỏ được phê duyệt nên sản lượng khoáng sản đá vôi khai thác được tính toán dựa trên nguyên tắc là trung bình cộng của các

giá trị sản lượng qua các nguồn số liệu đáng tin cậy (nguồn số liệu theo Biên bản xác nhận, nghiệm thu khối lượng mỏ và quyết toán thuế tài nguyên).

Kết quả xác minh về sản lượng khoáng sản khai thác thực tế như sau:

- Năm 2016, sản lượng khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng là 1.888.791 tấn. Khai thác vượt công suất được phép khai thác quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản (vượt 4,932%).

- Năm 2017, sản lượng khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng là 1.639.882 tấn; sản lượng khai thác phù hợp quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Năm 2018, sản lượng khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng là 2.047.178 tấn. Khai thác vượt công suất được phép khai thác quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản (vượt 13,73%).

- Thu hồi, sử dụng đá dolomit trong quá trình khai thác đá vôi làm xi măng nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định. Theo đó, chưa nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với việc thu hồi dolomit đi kèm trong quá trình khai thác đá vôi: năm 2016 là 259.949 tấn; năm 2017 là 90.019 tấn.

### **3. Thực hiện các quy định về lĩnh vực khác có liên quan (môi trường, đất đai, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, an toàn lao động, nghĩa vụ tài chính)**

- Đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với số tiền 4.548.640.616 đồng.

- Đã nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường:

+ Thuế tài nguyên (các năm 2016, 2017 và 2018): 42.428.937.443 đồng.

+ Phí bảo vệ môi trường (các năm 2016, 2017 và 2018): 18.828.921.886 đồng.

- Đã ký hợp đồng thuê đất trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Nộp đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo các thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa và Cục Thuế tỉnh Nghệ An (các năm 2016, 2017, 2018 và 2019 với số tiền 8.232.090.000 đồng).

- Đã được Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 19/GP-ATMT ngày 11 tháng 5 năm 2016 để khai thác khoáng sản; Bổ nhiệm Chỉ huy nổ mìn, ban hành phương án nổ mìn, lập hộ chiếu khoan nổ mìn, huấn luyện kỹ thuật an toàn và báo cáo định kỳ về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Công ty đã ban hành Nội quy an toàn lao động trong các hoạt động sản xuất. Tổ chức huấn luyện an toàn lao động định kỳ và trang bị bảo hộ lao động cho người lao động.

### **II.2. Hoạt động khai thác đá sét theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1306/QĐ-ĐCKS ngày 01 tháng 7 năm 1998.**

#### **1. Thực hiện các quy định của pháp luật khoáng sản**

- Đã cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép khai thác. Mốc giới được cắm đúng quy cách theo quy định.

- Đã lập, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công khai thác (Thiết kế mỏ) và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định (Quyết định số 2775/QĐ.UB-ND ngày 21 tháng 9 năm 2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An).

- Đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đúng quy định về tiêu chuẩn, trình độ và thông báo về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của Giám đốc điều hành mỏ về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Đã lập Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản; báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản các năm 2016, 2017, 2018 và gửi về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An theo quy định.

- Đã lập, cập nhật bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác; lưu trữ, quản lý theo quy định.

- Đã lập hồ sơ thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác đối với khối tài nguyên 333 và đã được Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam chấp thuận tại Công văn số 2984/ĐCKS-KS ngày 31 tháng 10 năm 2018.

- Đã lắp đặt trạm cân để kiểm soát sản lượng khoáng sản, lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan theo quy định.

- Toàn bộ đá sét sau khai thác tại mỏ Quỳnh Vinh được sử dụng làm nguyên liệu cho nhà máy sản xuất xi măng của Công ty.

## **2. Kết quả xác minh về sản lượng khoáng sản khai thác thực tế so với công suất quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản**

Sản lượng khoáng sản đá sét khai thác được tính toán, xác nhận theo các nguồn số liệu quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình, phương pháp xác định và các biểu mẫu thống kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế. Kết quả kiểm tra sổ sách, chứng từ, tài liệu về kỹ thuật; sổ sách, chứng từ tài liệu về tài chính cho thấy, tỷ lệ phần trăm (%) so sánh giữa số liệu sản lượng khoáng sản khai thác thực tế được xác định theo từng khâu công nghệ và theo từng nguồn số liệu là không vượt quá hệ số tổn thất định mức xác định trong thiết kế mỏ được phê duyệt nên sản lượng khoáng sản đá vôi khai thác được tính toán dựa trên nguyên tắc là trung bình cộng của các giá trị sản lượng qua các nguồn số liệu đáng tin cậy (nguồn số liệu theo Biên bản xác nhận, nghiệm thu khối lượng mỏ và quyết toán thuế tài nguyên).

- Năm 2016, sản lượng khai thác đá sét làm nguyên liệu xi măng là 236.927 tấn; sản lượng khai thác phù hợp quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Năm 2017, lượng khai thác đá sét làm nguyên liệu xi măng là 262.903 tấn; sản lượng khai thác phù hợp quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Năm 2018, sản lượng khai thác đá sét làm nguyên liệu xi măng là 283.036 tấn; sản lượng khai thác phù hợp quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

### **3. Thực hiện quy định về lĩnh vực khác có liên quan (môi trường, đất đai, an toàn lao động, nghĩa vụ tài chính)**

- Đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với số tiền 5.060.045.000 đồng.

- Đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 3022/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nộp 01 lần với số tiền là 943.244.000 đồng).

- Đã nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường:

+ Thuế tài nguyên (các năm 2016, 2017 và 2018): 1.560.576.717 đồng.

+ Phí bảo vệ môi trường (các năm 2016, 2017 và 2018): 2.093.818.405 đồng.

- Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Công ty đã ban hành Nội quy an toàn lao động trong các hoạt động sản xuất. Tổ chức huấn luyện an toàn lao động định kỳ và trang bị bảo hộ lao động cho người lao động.

## **III. KẾT LUẬN**

### **III.1. Kết quả đạt được**

1. Công ty đã chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản gồm các nội dung: bàn giao mốc giới khu vực được phép khai thác khoáng sản; lập, phê duyệt và nộp thiết kế bản vẽ thi công theo quy định; đã bổ nhiệm và thông báo năng lực, trình độ chuyên môn của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hàng năm lập và gửi báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định.

2. Trong quá trình hoạt động khai thác tại khu vực mỏ, Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Sử dụng hợp lý khoáng sản sau khai thác, có nhiều giải pháp để thu hồi triệt để, sử dụng tiết kiệm khoáng sản đã khai thác.

3. Thực hiện tốt công tác an toàn cho người và thiết bị trong quá trình khai thác, không để xảy ra vụ việc mất an toàn lao động nghiêm trọng trong hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản.

4. Thực hiện tốt quy định về trách nhiệm của tổ chức khai thác khoáng sản trong việc bảo vệ quyền lợi của địa phương, nhân dân địa phương nơi có mỏ khoáng sản được khai thác.

5. Đã lập, cập nhật, quản lý sổ sách, tài liệu về kỹ thuật, chứng từ, tài liệu về tài chính biểu thống kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế; lắp đặt trạm cân kiểm soát được toàn bộ khoáng sản khai thác thực tế; đã tổng hợp số liệu sản lượng khoáng sản khai thác thực tế bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm và khối lượng đất đá thải.

### **III.2. Tồn tại, vi phạm**

#### **III.2.1. Đối với hoạt động khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1099/QĐ-QLTN**

- Chưa hoàn thành việc xin cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

- Chưa điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản khi có sự thay đổi tên tổ chức khai thác khoáng sản.

- Lập, phê duyệt thiết kế kỹ thuật mỏ đá vôi Hoàng Mai B, Nhà máy Xi măng Hoàng Mai có một số nội dung như trữ lượng khoáng sản khai thác, công suất khai thác, thời gian khai thác chưa phù hợp với Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp.

- Khai thác vượt công suất được phép khai thác năm 2016 và 2018 quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản (công suất được phép khai thác quy định tại Giấy phép là 1.800.000 tấn/năm; sản lượng khai thác thực tế năm 2016: 1.888.791 tấn, tương ứng vượt 4,932%; sản lượng khai thác thực tế năm 2018: 2.047.178 tấn, tương ứng vượt 13,73%).

- Thu hồi, sử dụng loại khoáng sản đi kèm, khoáng sản mới phát hiện trong quá trình khai thác (đá dolomit) nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định. Theo đó, chưa nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với việc thu hồi đá dolomit đi kèm trong quá trình khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng.

#### **III.2.2. Đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1306/QĐ-ĐCKS**

1. Chưa hoàn thành việc xin cấp lại Giấy phép khai thác theo quy định.

2. Chưa điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản khi có sự thay đổi tên tổ chức khai thác khoáng sản.

3. Lập, phê duyệt thiết kế kỹ thuật hạng mục công trình mỏ sét Quỳnh Vinh và trạm đập sét thuộc dự án đầu tư Nhà máy xi măng Hoàng Mai về công suất khai thác chưa phù hợp với Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp.

### **III.3. Biện pháp xử lý**

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính gồm:

1. Khai thác vượt dưới 15% so với công suất được phép khai thác hàng năm ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản số 1099/GP-QLTN ngày 24 tháng 10 năm 1995.

2. Thu hồi, sử dụng khoáng sản đi kèm (dolomit), khoáng sản mới phát hiện trong quá trình khai thác nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép cho phép theo quy định.

### **IV. KIẾN NGHỊ**

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam yêu cầu Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai:

1. Khẩn trương hoàn thành việc xin cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản và điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản khi có sự thay đổi tên tổ chức khai thác khoáng sản theo quy định (đối với cả 02 Giấy phép khai thác khoáng sản).

2. Lập, phê duyệt thiết kế mỏ (điều chỉnh) cho phù hợp với nội dung giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định (đối với cả 02 Giấy phép khai thác khoáng sản).

3. Khai thác đúng công suất theo quy định ghi trong Giấy phép khai thác được cấp (mỏ đá vôi Hoàng Mai B theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1099/QĐ-QLTN).

4. Báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép cho phép thu hồi, sử dụng loại khoáng sản đi kèm, khoáng sản mới phát hiện trong quá trình khai thác theo quy định.

5. Lập báo cáo tổng hợp về sản lượng đã khai thác và sử dụng thực tế hàng năm; tổng hợp sổ sách, chứng từ và các tài liệu có liên quan đến hoạt động khai thác và sử dụng khoáng sản đi kèm (dolomit) từ khi khai thác đến nay, nộp về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ nộp thêm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với việc sử dụng khoáng sản đi kèm sau khi có thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi ban hành Kết luận thanh tra, Công ty có trách nhiệm khắc phục các tồn tại, vi phạm nêu trên; báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An bằng văn bản kết quả thực hiện theo các yêu cầu nêu trên. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sẽ xử lý hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà
- Thứ trưởng Trần Quý Kiên (để báo cáo);
- TCT Đỗ Cảnh Dương;
- Thanh tra Bộ TNMT;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Sở TNMT tỉnh Nghệ An;
- Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai (để thực hiện);
- Lưu VP, KSMB, HS Đoàn TTr (B.10).

*(chữ)*



